

CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VSNT  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150 /BC-CTNS

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**BÁO CÁO**

**Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch tháng 10 năm 2024**

**A. THÔNG TIN CHUNG:**

- Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch & VSNT Nam Định
- Địa chỉ: Số 121, Lê Hồng Phong, phường Vị Hoàng, TP. Nam Định
- Công suất thiết kế, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước, nguồn nước nguyên liệu:

TT	Tên nhà máy trực thuộc	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m <sup>3</sup> /ng.đ)	Tổng dân số được cung cấp nước (người)	Số mẫu nước/đợt/nhà máy	Ghi chú
1	Giao Thủy	Sông Ninh Cơ	22.000	131.210	4 mẫu/đợt	
2	Xuân Trường	Sông Ninh Cơ	13.000	89.236	3 mẫu/đợt	
3	Mỹ Lộc	Sông Hồng	8.000	66.150	3 mẫu/đợt	
4	Nghĩa An	Sông Đào	10.000	56.290	3 mẫu/đợt	
5	Yên Lộc	Sông Đào	13.000	78.925	3 mẫu/đợt	
6	Liên Bảo	Sông Đào	6.000	23.230	3 mẫu/đợt	
7	Yên Quang	Sông Đáy	5.500	22.940	3 mẫu/đợt	
8	Xuân Tân	Sông Hồng	5.500	37.360	3 mẫu/đợt	
9	Nam Dương	Sông Đào	3.500	17.560	3 mẫu/đợt	
10	Đại Thắng	Sông Đào	2.000	9.950	3 mẫu/đợt	
11	Nghĩa Hưng	Sông Đáy	2.600	18.090	3 mẫu/đợt	
12	Quý Nhất	Sông Đáy/ Nước ngầm	4.000	11.260	3 mẫu/đợt	
13	Hải Toàn	Nước ngầm	2.200	12.040	3 mẫu/đợt	
14	Yên Định	Nước ngầm	1.200	6.700	3 mẫu/đợt	

Ghi chú: - Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch  
- Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch

4. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Số mẫu	Vị trí lấy mẫu nước
14	Tại bể chứa nước bơm đi tại nhà máy
15	Tại vòi sử dụng trên mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng
14	Tại vòi sử dụng cuối mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC:**

Các nhà máy nước thuộc công ty có đầy đủ hồ sơ theo dõi và quản lý chất lượng nước gồm hồ sơ về sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất nước sạch, sổ theo dõi việc lưu mẫu nước, sổ theo dõi chất lượng nước trong ngày, các phiếu phân tích chất lượng nước...

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

1. Kết quả xét nghiệm nước thành phẩm trong tháng: Có phiếu kiểm nghiệm nước kèm theo.

2. Kết quả xét nghiệm:

2.1. Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

2.2. Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: Không.

Trong đó:

- Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt cả về lý, hóa học và vi sinh vật: 0 mẫu.

2.3. Các chỉ tiêu không đạt: Không có chỉ tiêu không đạt.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC:** Không.

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không./.


**Nơi nhận:**

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định (Kèm theo phiếu kết quả phân tích tháng 10/2024);
- Trung tâm y tế dự phòng huyện;
- Phó Giám đốc Phạm Thị Hằng;
- Phòng KT&QLCLN;
- Các NMN
- Lưu VP, Nhà thí nghiệm.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phạm Thị Hằng**

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
2. **Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trần Quang Đạo - Địa chỉ: Xóm 10, Xuân Bắc, Xuân Trường, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đỗ Chung Tình - Địa chỉ: Xóm 4, Xuân Bắc, Xuân Trường, Nam Định
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 15/10/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 15/10/2024 đến 28/10/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,72	0,74	0,79	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,47	0,31	0,28	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,89	7,90	7,95	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,657	0,665	0,697	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	23,033	23,157	23,281	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	0,505	0,505	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	88,0	88,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,291	7,291	7,291	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>+</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	73,7	74,5	74,7	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**



**Nguyễn Thị Ân**

**KT. GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định		
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Trường
2. Địa chỉ: TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trần Quang Đạo - Địa chỉ: Xóm 10, Xuân Bắc, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đỗ Chung Tình - Địa chỉ: Xóm 4, Xuân Bắc, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 15/10/2024
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
7. Thời gian thử nghiệm: 15/10/2024 đến 17/10/2024
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mũ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT: - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>		
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>		
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định			
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com		

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02

1. **Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
2. **Địa chỉ:** Giao Tiến - Giao Thủy - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:  
Vũ Quốc Tuấn - Địa chỉ: Đồng Màu, Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:  
Bùi Đăng Hoàn - Địa chỉ: Xóm 11, Thọ Nghiệp, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Ngô Doãn Thọ - Địa chỉ: Xóm 11, Thọ Nghiệp, Xuân Trường, Nam Định

*Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 15/10/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 15/10/2024 đến 28/10/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>									
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,35	0,38	0,42	0,42	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,68	0,46	0,40	0,39	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,77	7,82	7,86	7,88	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>II Mức độ giám sát B</b>									
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,591	0,602	0,606	0,659	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	23,466	23,714	23,899	23,961	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	90,0	90,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,291	7,291	7,655	7,655	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	74,3	74,5	74,8	75,1	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**


  
Nguyễn Thị Ân

**KT. GIÁM ĐỐC**



  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiên - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:  
Vũ Quốc Tuấn - Địa chỉ: Đồng Màu, Giao Tiên, Giao Thủy, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:  
Bùi Đăng Hoàn - Địa chỉ: Xóm 11, Thọ Nghiệp, Xuân Trường, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Ngô Doãn Thọ - Địa chỉ: Xóm 11, Thọ Nghiệp, Xuân Trường, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 15/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 15/10/2024 đến 17/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở -2° - 8°C.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trịnh Thúc Tiếp - Địa chỉ: Xóm Đông, Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Lê Văn Dung - Địa chỉ: Xóm 3, Xuân Đài, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup> C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 16/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 16/10/2024 đến 28/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,58	0,65	0,71	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,42	0,35	0,30	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,81	7,85	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	< 0,006	< 0,006	< 0,006	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,652	0,658	0,718	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	25,261	25,571	25,756	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	96,0	96,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	78,1	78,3	78,9	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

**Nguyễn Thị Ân**

**KT. GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trịnh Thúc Tiếp - Địa chỉ: Xóm Đông, Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Lê Văn Dung - Địa chỉ: Xóm 3, Xuân Đài, Xuân Trường, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 16/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 16/10/2024 đến 18/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**


**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Quý Hoàn - Địa chỉ: Xóm Phố, Hồng Quang, huyện Nam Trực, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Duy Bảy - Địa chỉ: Xóm Phố, Hồng Quang, huyện Nam Trực, Nam Định
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 14/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 14/10/2024 đến 28/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,36	0,41	0,44	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,48	0,38	0,34	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,26	7,34	7,42	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	< 0,006	< 0,006	< 0,006	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,654	0,717	0,742	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	23,033	23,281	23,466	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	0,505	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	94,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,291	7,291	7,291	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	74,3	75,1	75,6	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

**KT. GIÁM ĐỐC**

  
Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
2. **Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Quý Hoàn - Địa chỉ: Xóm Phố, Hồng Quang, huyện Nam Trực, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Duy Bảy - Địa chỉ: Xóm Phố, Hồng Quang, huyện Nam Trực, Nam Định
5. **Ngày lấy mẫu:** 14/10/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 14/10/2024 đến 18/10/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**



*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

*Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT: - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt*

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

*Trần Thị Thẩm*

**Trần Thị Thẩm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Nghi - Địa chỉ: Thôn Chiền A, Nam Dương, Nam Trực, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Vi - Địa chỉ: Thôn Xứ Trường, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định
- Trong đó:  
+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 16/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 16/10/2024 đến 28/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,11	0,18	0,30	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,58	0,52	0,39	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,91	7,98	7,99	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,696	0,710	0,718	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	24,333	24,580	24,704	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	90,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,291	7,291	7,291	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	75,5	76,3	76,9	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Nghi - Địa chỉ: Thôn Chiền A, Nam Dương, Nam Trực, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Vi - Địa chỉ: Thôn Xứ Trường, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 16/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 16/10/2024 đến 18/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**




**Trần Thị Thắm**



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
2. **Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Lương Văn Kiêm - Địa chỉ: Xóm 8, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Hồng Nam - Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định

*Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 16/10/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
7. **Thời gian thử nghiệm:** 16/10/2024 đến 28/10/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,48	0,60	0,71	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,56	0,40	0,37	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,41	7,45	7,48	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,665	0,697	0,710	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	31,141	33,060	33,679	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,842	0,842	0,842	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	94,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,384	8,384	8,384	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	83,3	83,7	84,2	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**


**KT. GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Ân**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Fluorua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Lương Văn Kiêm - Địa chỉ: Xóm 8, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Hồng Nam - Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*
- Ngày lấy mẫu:** 16/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 16/10/2024 đến 18/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Quý Nhất
2. Địa chỉ: TT. Quý Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đỗ Thị Ly - Địa chỉ: Xóm 7, TT. Rạng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Phạm Thị Thanh - Địa chỉ: Xóm 1, Nam Điền, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 16/10/2024
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 16/10/2024 đến 28/10/2024
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,18	0,50	0,80	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,80	0,60	0,30	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,49	7,51	7,52	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	< 0,006	< 0,006	< 0,006	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,589	0,653	0,666	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	28,604	28,913	29,161	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	0,505	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	98,0	98,0	98,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,384	8,384	8,384	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	83,2	83,7	84,2	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỳ Nhất
- Địa chỉ:** TT. Quỳ Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đỗ Thị Ly - Địa chỉ: Xóm 7, TT. Rạng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Phạm Thị Thanh - Địa chỉ: Xóm 1, Nam Điền, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 16/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 16/10/2024 đến 18/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Định
2. Địa chỉ: TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Tương - Địa chỉ: Số 251, Khu 4, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Kiều - Địa chỉ: Khu 3, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định

*Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 14/10/2024
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thuý Nga
7. Thời gian thử nghiệm: 14/10/2024 đến 28/10/2024
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,20	0,23	0,27	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,60	0,55	0,50	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,73	7,80	7,82	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,658	0,702	0,742	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	39,126	39,250	40,488	Đạt



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
11	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	100,0	Đạt
12	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	25,153	25,153	25,153	Đạt
13	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	0,365	0,365	0,372	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	185,0	186,0	186,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt  
Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " \* " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " \*\* " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Trương - Địa chỉ: Số 251, Khu 4, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Kiều - Địa chỉ: Khu 3, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 14/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 14/10/2024 đến 18/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**



**Trần Thị Thắm**


Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KT. GIÁM ĐỐC**



  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định		
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
2. **Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Cương - Địa chỉ: Xóm 5, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Minh Dương - Địa chỉ: Xóm 5, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 14/10/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
7. **Thời gian thử nghiệm:** 14/10/2024 đến 28/10/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	5,0	5,0	5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,19	0,21	0,25	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,61	0,49	0,39	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,58	7,65	7,68	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,701	0,725	0,743	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	19,443	20,681	21,300	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
11	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	110,0	110,0	110,0	Đạt
12	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	26,246	26,246	26,246	Đạt
13	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	0,372	0,379	0,386	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	190,0	191,0	192,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt  
Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

  
Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " \* " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " \*\* " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Fluorua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



- 1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- 2. **Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- 3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 4. **Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng: Vũ Văn Cương - Địa chỉ: Xóm 5, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng: Vũ Minh Dương - Địa chỉ: Xóm 5, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
- 5. **Ngày lấy mẫu:** 14/10/2024
- 6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- 7. **Thời gian thử nghiệm:** 14/10/2024 đến 18/10/2024
- 8. **Kết quả thử nghiệm:**

Số/No: 09

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C*

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mũ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**


**KT. GIÁM ĐỐC**

**Trần Thị Thắm**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- 3. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- 4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước.sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định		
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Liên Bảo - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Chung - Địa chỉ: Xóm 2, Bảo Xuyên, Liên Bảo, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đặng Văn Quý - Địa chỉ: Xóm Xôi, Quang Trung, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 17/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 17/10/2024 đến 28/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,23	0,31	0,43	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,69	0,63	0,47	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,94	7,97	7,99	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,701	0,716	0,744	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	26,623	26,809	27,180	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	0,505	0,505	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	100,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,291	7,291	7,291	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	77,3	78,2	78,4	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt  
Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**



Nguyễn Thị Ân

**KT. GIÁM ĐỐC**



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Liên bảo - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Chung - Địa chỉ: Xóm 2, Bảo Xuyên, Liên Bảo, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đặng Văn Quý - Địa chỉ: Xóm Xôi, Quang Trung, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 17/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 17/10/2024 đến 19/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**


**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trần Đình Tuấn - Địa chỉ: Thôn La Đồng, Xã Mỹ Lộc, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Quyền - Địa chỉ: Thôn Đồng Nhuệ, xã Mỹ Lộc, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 16/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 16/10/2024 đến 28/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,51	0,62	0,95	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,58	0,36	0,28	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,85	7,86	7,90	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,657	0,701	0,711	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	25,076	26,437	26,809	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	100,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,291	7,291	7,291	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	0,202	0,202	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	77,1	77,9	78,2	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

  
Nguyễn Thị Ân



  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trần Đình Tuấn - Địa chỉ: Thôn La Đồng, Xã Mỹ Lộc, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Quyền - Địa chỉ: Thôn Đồng Nhuệ, xã Mỹ Lộc, Nam Định

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*
- Ngày lấy mẫu:** 16/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 16/10/2024 đến 18/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**


**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Lộc
2. Địa chỉ: Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Chu Văn Quỳnh - Địa chỉ: Xóm 1, Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Đoàn - Địa chỉ: Ngõun, Yên Cường, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 14/10/2024
6. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
7. Thời gian thử nghiệm: 14/10/2024 đến 28/10/2024
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,24	0,32	0,35	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,38	0,30	0,25	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,64	7,67	7,71	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,653	0,696	0,716	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	60,728	60,852	61,037	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	0,505	0,505	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	98,0	98,0	98,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>+</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	0,209	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	90,5	91,1	91,3	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

### QUẢN LÝ KỸ THUẬT


  
Nguyễn Thị Ân

### KT. GIÁM ĐỐC



  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định		
Điện thoại: 02283.528.175      Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com		

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Chu Văn Quỳnh - Địa chỉ: Xóm 1, Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Đoàn - Địa chỉ: Nguôn, Yên Cường, Ý Yên, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 14/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 14/10/2024 đến 18/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mũ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

*Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt*

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

**KT. GIÁM ĐỐC**


*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**



**HỌ GIÁM ĐỐC  
HẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Quang
2. Địa chỉ: Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Duy Bình - Địa chỉ: Xóm Nhất Đoài, Yên Bằng, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Mai Văn Nhật - Địa chỉ: Thôn Mễ Thượng, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 15/10/2024
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 15/10/2024 đến 28/10/2024
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	10,0	10,0	10,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,51	0,60	0,80	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,60	0,30	0,21	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,48	7,51	7,63	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	0,014	0,014	0,014	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,744	0,794	0,797	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	44,820	47,296	51,629	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,516	1,684	1,684	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	101,0	101,0	101,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,207	10,207	10,207	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	<0.05	<0.05	<0.05	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	0,372	0,386	0,386	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	97,0	97,5	97,9	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.





CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH  
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Duy Bình - Địa chỉ: Xóm Nhất Đoài, Yên Bằng, Ý Yên, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Mai Văn Nhật - Địa chỉ: Thôn Mễ Thượng, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*

- Ngày lấy mẫu:** 15/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 15/10/2024 đến 17/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ  
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Chiến - Địa chỉ: Thôn Đồng Tiên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Thị Thu Hiền - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 14/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 14/10/2024 đến 28/10/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,87	0,92	0,95	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,45	0,40	0,33	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,65	7,75	7,80	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,655	0,696	0,716	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	24,147	24,333	24,704	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,505	0,505	0,674	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	88,0	88,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,291	7,291	7,291	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	73,9	74,5	74,8	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

**KT. GIÁM ĐỐC**

  
Nguyễn Thị Ân



  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng: Vũ Văn Chiến - Địa chỉ: Thôn Đồng Tiến, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng: Nguyễn Thị Thu Hiền - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*
- Ngày lấy mẫu:** 14/10/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 14/10/2024 đến 18/10/2024
- Kết quả thử nghiệm**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mũ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.